TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***
Số: 114/2022/QĐST-HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 22 tháng 07 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Duy N, sinh năm 1981

Địa chỉ: xóm Đại Thành, xã D K, huyện D C, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1983

Địa chỉ: xóm Đại Thành, xã D K, huyện D C, tỉnh Nghệ An

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83, 107, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 07 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 07 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Duy N và chị Bùi Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung Trương Duy N, sinh ngày 13/10/2009 và Trương Duy K, sinh ngày 01/04/2020 cho anh Trương Duy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung Trương Thị Bảo C, sinh ngày 11/02/2011 cho chị Bùi Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh N và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm gặp con chung không ai được cản trở. Nếu anh N, chị H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H, anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn ciệc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N và chị H vì anh N và chị H chưa có yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: anh Trương Duy N và chị Bùi Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: anh Trương Duy N và chị Bùi Thị Ngọc H thỏa thuận anh N là người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001739, ngày 18/05/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D C, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho anh N số tiền tạm ứng án phí còn lại là: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện D C;
- THADS huyện D C;
- UBND xã D K;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Danh Hùng